

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

QUÝ I NĂM 2013

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TÂN VIỆT

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Chỉ số báo cáo từ ngày 01/01/2013 đến 31/03/2013

Hà nội, ngày 31 tháng 03 năm 2013

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TÂN VIỆT
(Thành lập tại nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2013 đến 31/03/2013

Hà Nội, tháng 03 năm 2013

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	2 – 3
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	4
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	5
BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU	6
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	7 – 16

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
 Tại ngày 31 tháng 03 năm 2013

MẪU SỐ B 01-CTCK

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)	100		568 690 693 966	542 695 978 800
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.04	77 438 747 889	92 634 154 011
1. Tiền	111		77 438 747 889	92 634 154 011
2. Các khoản tương đương tiền	112			
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.06	83 257 191 090	70 240 417 758
1. Đầu tư ngắn hạn	121		147 714 720 685	134 697 947 353
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn (*)	129		- 64 457 529 595	- 64 457 529 595
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130	V.11	402 059 856 940	374 536 709 866
1. Phải thu của khách hàng	131		162 884 236 915	131 572 096 892
2. Trả trước cho người bán	132		3 379 490 773	1 638 901 040
3. Các khoản phải thu khác	135	V.12	236 254 129 252	241 783 711 934
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	139	V.13	- 458 000 000	- 458 000 000
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		5 934 898 047	5 284 697 165
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		1 652 364 169	1 348 587 997
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		55 859 537	39 667 207
3. Tài sản ngắn hạn khác	158		4 226 674 341	3 896 441 961
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200=210+220+240+250+260)	200		9 422 500 518	9 610 228 776
I. Tài sản cố định	220		2 685 032 877	3 276 759 631
1. TSCĐ hữu hình	221	V.07	2 010 081 156	2 484 943 311
- Nguyên giá	222		25 884 217 148	25 850 861 148
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		- 23 874 135 992	- 23 365 917 837
2. TSCĐ vô hình	227	V.08	674 951 721	791 816 320
- Nguyên giá	228		8 395 957 833	8 395 957 833
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		- 7 721 006 112	- 7 604 141 513
II. Tài sản dài hạn khác	260		6 737 467 641	6 333 469 145
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		19 073 010	30 516 816
2. Tiền nộp quỹ hỗ trợ thanh toán	265	V.10	5 800 254 631	5 384 812 329
3. Tài sản dài hạn khác	268		918 140 000	918 140 000
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		578 113 194 484	552 306 207 576

Các thuyết minh từ trang 07 đến trang 16 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)
Tại ngày 31 tháng 03 năm 2013

MẪU SỐ B 01-CTCK
Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300		215 505 109 811	189 884 494 812
I. Nợ ngắn hạn	310		215 505 109 811	189 884 494 812
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.16	129 474 809 826	63 106 931 492
2. Phải trả người bán	312		488 880 503	516 022 875
3. Người mua trả tiền trước	313		540 681 172	469 208 168
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.09	4 886 391 021	6 132 417 226
5. Phải trả người lao động	315		1 825 131 645	3 766 088 543
6. Chi phí phải trả	316	V.14	2 749 707 442	1 423 550 307
8. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	318		5 080 000	
9. Phải trả hộ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu	321			
10. Phải trả & phải nộp khác	319	V.15	74 449 110 664	113 353 058 663
11. Quỹ khen thưởng phúc lợi	323		1 085 317 538	1 117 217 538
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410+430)	400		362 608 084 673	362 421 712 764
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.17	362 608 084 673	362 421 712 764
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		350 000 000 000	350 000 000 000
2. Quỹ dự phòng tài chính	418		7 822 097 942	7 822 097 942
3. Lợi nhuận chưa phân phối	420		4 785 986 731	4 599 614 822
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		578 113 194 484	552 306 207 576



Nguyễn Văn Dũng
Tổng Giám đốc
Hà Nội, ngày 10 tháng 04 năm 2013


Lê Thanh Tùng
Kế toán trưởng


Bùi Thị Thanh Hiền
Người lập biểu

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
 Cho chu kỳ tài chính kết thúc ngày 31/03/2013

Chỉ tiêu	Mã số	Quý 1		Lũy kế từ đầu năm này đến cuối quý	
		Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu	01	17 123 410 168	14 568 165 816	17 123 410 168	14 568 165 816
- Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán	01.1	8 303 398 689	6 311 772 550	8 303 398 689	6 311 772 550
- Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn	01.2	698 144 968	679 515 300	698 144 968	679 515 300
- Doanh thu hoạt động tư vấn	01.5	1 331 951 716	1 033 562 077	1 331 951 716	1 033 562 077
- Doanh thu lưu ký chứng khoán	01.6	128 963 038		128 963 038	
- Doanh thu khác	01.9	6 660 951 757	6 543 315 889	6 660 951 757	6 543 315 889
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02				
3. Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh (10=01-02)	10	17 123 410 168	14 568 165 816	17 123 410 168	14 568 165 816
4. Chi phí hoạt động kinh doanh	11	14 074 637 802	16 290 332 181	14 074 637 802	16 290 332 181
5. Lợi nhuận gộp của hoạt động kinh doanh (20=10-11)	20	3 048 772 366	- 1 722 166 365	3 048 772 366	- 1 722 166 365
6. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	2 866 040 457	2 443 636 311	2 866 040 457	2 443 636 311
7. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20-25)	30	182 731 909	- 4 165 802 676	182 731 909	- 4 165 802 676
8. Thu nhập khác	31	3 640 000		3 640 000	
9. Chi phí khác	32				
10. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40	3 640 000		3 640 000	
11. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế(50=30+40)	50	186 371 909	- 4 165 802 676	186 371 909	- 4 165 802 676
12. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51				
13. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52				
14. Lợi nhuận sau thuế TNDN (60=50-51-52)	60	186 371 909	- 4 165 802 676	186 371 909	- 4 165 802 676
15. Lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu	70	5	- 119	5	- 119



Nguyễn Văn Dũng
 Tổng Giám đốc
 Hà Nội, ngày 10 tháng 04 năm 2013

Lê Thanh Tùng
 Kế toán trưởng

Bùi Thị Thanh Hiền
 Người lập biểu

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
Cho chu kỳ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2013

MẪU SỐ B 03- CTCK
Đơn vị: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
		Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	186 371 909	- 4 165 802 676
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao TSCD	02	625 082 754	1 070 953 597
- Các khoản dự phòng	03		
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	- 7 327 707 119	- 1 879 382 067
- Chi phí lãi vay	06	3 046 422 350	1 347 527 257
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	- 3 469 830 106	- 3 626 703 889
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	- 26 873 960 848	- 41 731 168 103
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	- 14 494 338 920	69 797 670 418
- Tiền lãi vay đã trả	13	- 3 046 422 350	- 1 767 579 059
- Thuế TNDN đã nộp	14	- 1 721 024 415	
- Tăng giảm chi phí trả trước	12	- 292 332 366	241 321 923
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16		
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	- 49 929 809 005	22 913 541 290
II. Lưu chuyển từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng TSCD và các tài sản dài hạn khác	21	- 33 356 000	- 180 045 000
2. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	- 23 723 958 579	- 14 011 537 750
3. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	9 264 742 403	4 186 798 000
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	7 359 096 725	7 228 231 189
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	- 7 133 475 451	- 2 776 553 561
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	192 202 436 843	70 200 808 807
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	- 125 834 558 509	- 82 815 967 898
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	- 24 500 000 000	
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	41 867 878 334	- 12 615 159 091
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50	- 15 195 406 122	7 521 828 638
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	92 634 154 011	78 558 164 149
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70	77 438 747 889	86 079 992 787



Nguyễn Văn Dũng
Tổng Giám đốc
Hà Nội, ngày 10 tháng 04 năm 2013

(Handwritten signature)
Lê Thanh Tùng
Kế toán trưởng

(Handwritten signature)
Bùi Thị Thanh Hiền
Người lập biểu

BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU

Cho chu kỳ tài chính kết thúc ngày 31 tháng 03 năm 2013

MẪU SỐ B 05- CTCK

Đơn vị: VND

Chỉ tiêu	Số dư đầu năm		Số Tăng/giảm				Số dư cuối kỳ	
	Năm trước	Năm nay	Năm trước		Năm nay		Năm trước	Năm nay
			Tăng	Giảm	Tăng	Giảm		
A	1	2	3	4	5	6	7	8
Vốn chủ sở hữu								
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	350 000 000 000	350 000 000 000					350 000 000 000	350 000 000 000
2. Quỹ dự phòng tài chính	7 023 082 530	7 822 097 942	799 015 412				7 822 097 942	7 822 097 942
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	9 983 252 820	4 599 614 822	20 714 392 825	26 098 030 823	186 371 909		4 599 614 822	4 785 986 731
Tổng cộng:	367 006 335 350	362 421 712 764	21 513 408 237	26 098 030 823	186 371 909		362 421 712 764	362 608 084 673

Chi tiết tăng giảm trong năm của các chỉ tiêu Vốn chủ sở hữu xem tại Thuyết minh số 17.



Nguyễn Văn Dũng

Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 10 tháng 04 năm 2013

Lê Thanh Tùng

Kế toán trưởng

Bùi Thị Thanh Hiền

Người lập biểu

Các thuyết minh từ trang 07 đến trang 16 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B 09-CTCK

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Chứng khoán Tân Việt (“Công ty”) được thành lập theo Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103015019 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 20/12/2006; Giấy phép thành lập và hoạt động số 40/UBCK-GPHDKD ngày 28/12/2006, Giấy phép điều chỉnh - Giấy phép thành lập và hoạt động số 230/UBCK-GP ngày 17/04/2009 và Giấy phép điều chỉnh - Giấy phép thành lập và hoạt động số 10/GPĐC – UBCK ngày 11/03/2013 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp. Vốn điều lệ của Công ty là 350.000.000.000 đồng.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31/03/2013 là 180 người

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh của Công ty là

- Môi giới chứng khoán;
- Tự doanh chứng khoán;
- Bảo lãnh phát hành chứng khoán;
- Tư vấn tài chính;
- Tư vấn đầu tư chứng khoán;
- Lưu ký chứng khoán.

Đặc điểm kinh doanh trong kỳ ảnh hưởng đến kỳ báo cáo

Lợi nhuận Quý 1 tăng so với cùng kỳ quý 1 năm 2012 nguyên nhân chủ yếu:

Trong kỳ thanh khoản thị trường chứng khoán tăng so với cùng kỳ năm trước dẫn đến doanh thu hoạt động môi giới tăng 2 tỷ, doanh thu khác tăng 200 triệu. Cùng với đó thị trường tăng điểm tạo môi trường thuận lợi cho hoạt động tự doanh, margin, chi phí hoạt động công ty giảm 2,2 tỷ so với cùng kỳ năm trước dẫn đến lợi nhuận tăng 4,4 tỷ so cùng kỳ năm trước

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp, Chế độ Kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan.

Tại thời điểm lập báo cáo tài chính, khoản mục tiền gửi của các nhà đầu tư cho mục đích giao dịch chứng khoán được trình bày trên bảng cân đối kế toán của Công ty, nằm trong tài khoản tiền gửi ngân hàng do Công ty đứng tên các tài khoản này tại các ngân hàng thương mại.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính, Công ty đã tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp, Chế độ Kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán và các văn bản hướng dẫn.

Hình thức kế toán áp dụng

Nhật ký chung trên máy tính.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp, Chế độ Kế toán áp dụng cho công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, các khoản phải thu khác và tài sản tài chính khác.

Nợ phải trả tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, các khoản phải trả khác và các khoản vay.

Đánh giá lại sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và công nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần được trình bày trên bảng cân đối kế toán khi Công ty có quyền hợp pháp thực hiện bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần hoặc thu được các tài sản và thanh toán các khoản nợ phải trả đồng thời.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Tiền ký quỹ của nhà đầu tư

Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán phản ánh các khoản đặt cọc ủy thác của nhà đầu tư chứng khoán tại ngân hàng chỉ định cho mục đích thực hiện các giao dịch chứng khoán.

Tiền gửi thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán

Tiền gửi thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán phản ánh các khoản ký quỹ cho việc thực hiện các giao dịch xóa lệnh và khớp lệnh tại Trung tâm Giao dịch chứng khoán và Trung tâm Lưu ký chứng khoán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B 09-CTCK

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Đầu tư tài chính ngắn hạn và dự phòng giảm giá đầu tư tài chính ngắn hạn

Đầu tư chứng khoán ngắn hạn

Đầu tư chứng khoán ngắn hạn và dài hạn là chứng khoán thương mại, bao gồm cổ phiếu niêm yết và chưa niêm yết. Đầu tư chứng khoán được ghi nhận theo giá gốc trừ dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán. Việc phân loại khoản đầu tư chứng khoán là đầu tư ngắn hạn hay dài hạn phụ thuộc vào quyết định của Ban Giám đốc. Theo đó, các khoản đầu tư được coi là ngắn hạn khi Công ty dự định sẽ đầu tư với thời hạn dưới 12 tháng.

Giá gốc của các khoản đầu tư chứng khoán xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá cho các chứng khoán niêm yết và chưa niêm yết được thực hiện theo những hướng dẫn trong Thông tư số 11/2000/TT-BTC ngày 01/02/2000 hướng dẫn chế độ quản lý tài chính đối với công ty chứng khoán cổ phần và trách nhiệm hữu hạn và Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 về việc hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng tại doanh nghiệp.

Đối với chứng khoán đã niêm yết, giá chứng khoán thực tế trên thị trường được tính theo giá thực tế trên các Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) là giá giao dịch bình quân tại ngày trích lập dự phòng; Sở giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh (HOSE) là giá đóng cửa tại ngày trích lập dự phòng.

Đối với chứng khoán của các Công ty đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) thì giá chứng khoán thực tế trên thị trường được xác định là giá giao dịch bình quân trên hệ thống tại ngày lập dự phòng.

Đối với các Công ty chưa đăng ký giao dịch ở thị trường giao dịch của các công ty đại chúng thì giá chứng khoán thực tế trên thị trường được xác định là giá trung bình trên cơ sở giá giao dịch được cung cấp tối thiểu bởi ba (03) công ty chứng khoán tại thời điểm lập dự phòng.

Đối với các chứng khoán không xác định được giá thị trường thì không trích lập dự phòng.

Dự phòng giảm giá các khoản chứng khoán ngắn hạn và dài hạn được ghi nhận vào chi phí hoạt động kinh doanh của Công ty.

Các hợp đồng bán lại

Những tài sản được mua đồng thời cam kết sẽ bán lại vào một thời điểm nhất định trong tương lai (các hợp đồng bán lại) không được ghi tăng trên báo cáo tài chính. Khoản tiền thanh toán theo các hợp đồng bán lại này được ghi nhận là tài sản trên bảng cân đối kế toán. Phần chênh lệch giữa giá mua và giá cam kết bán lại không được ghi nhận là doanh thu theo nguyên tắc thận trọng trừ khi Công ty có khả năng nhận được phần chênh lệch này một cách chắc chắn.

Các khoản phải thu và dự phòng nợ phải thu khó đòi

Các khoản phải thu được ghi nhận theo giá trị ghi sổ của các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác cùng dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B 09-CTCK

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Phải trả hộ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu

Phải trả hộ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu phản ánh số phải trả và tình hình thanh toán cổ tức, gốc và lãi trái phiếu mà Công ty phải trả hộ cho các chủ sở hữu chứng khoán do tổ chức phát hành chứng khoán ủy quyền. Phải trả hộ cổ tức cho cổ đông phản ánh số phải trả và tình hình thanh toán cổ tức, lãi chia cho cổ đông, người góp vốn, bên góp vốn của công ty chứng khoán.

Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán

Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán bao gồm khoản tiền Công ty nhận từ các nhà đầu tư để thực hiện các giao dịch môi giới chứng khoán và quản lý tài khoản giao dịch chứng khoán cho nhà đầu tư, phải trả Trung tâm Lưu ký chứng khoán về tiền mua chứng khoán của khách hàng và phải trả cho khách hàng tiền bán chứng khoán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử (nếu áp dụng).

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

Số năm khấu hao

Máy móc thiết bị	03 - 06
Phương tiện vận tải	03 - 06
Thiết bị, dụng cụ văn phòng	03 - 06
Tài sản cố định khác	03

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình là giá trị của các chương trình phần mềm phục vụ hoạt động kinh doanh, được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian là 3 năm.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản cố liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B 09-CTCK

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Doanh thu

• **Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán:**

Là khoản phí giao dịch chứng khoán mà công ty chứng khoán được hưởng từ các hoạt động môi giới kinh doanh chứng khoán cho nhà đầu tư được xác định khi dịch vụ môi giới hoàn thành.

• **Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn:**

Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn bao gồm các khoản chênh lệch lãi bán chứng khoán tự doanh của công ty chứng khoán (được ghi nhận dựa trên thông báo kết quả thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán của Trung tâm Lưu ký chứng khoán) và khoản thu lợi tức cổ phiếu, lãi trái phiếu, thu từ hoạt động góp vốn liên doanh, liên kết (lãi đầu tư cổ phiếu được ghi nhận trên báo cáo kết quả kinh doanh trên cơ sở thông báo chia lãi của tổ chức có cổ phần do công ty nắm giữ, lãi đầu tư trái phiếu và lãi từ hoạt động góp vốn liên doanh, liên kết được ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh trên cơ sở dồn tích).

• **Doanh thu hoạt động tư vấn:**

Doanh thu từ hoạt động tư vấn được ghi nhận trên báo cáo kết quả kinh doanh khi hoàn thành dịch vụ và khách hàng chấp nhận thanh toán.

• **Doanh thu khác:**

Doanh thu khác bao gồm doanh thu lãi tiền gửi ngân hàng, hoàn nhập dự phòng các khoản đầu tư tài chính, doanh thu từ các hợp đồng hợp tác đầu tư chứng khoán và doanh thu khác. Các khoản này được ghi nhận trên báo cáo kết quả kinh doanh trên cơ sở dồn tích. Lãi thu được từ các hợp đồng mua bán chứng khoán có kỳ hạn được ghi nhận trên báo cáo kết quả kinh doanh khi thực thu.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B 09-CTCK

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

01. Tiền và tương đương tiền	Cuối kỳ	Đầu kỳ
Tiền gửi ngân hàng	70 385 070 323	91 239 831 362
Tiền gửi thanh toán bù trừ giao dịch CK	7 053 677 566	1 394 322 649
	77 438 747 889	92 634 154 011

Trong số dư tiền và các khoản tương đương tiền có bao gồm 71.720.362.708 VND (tại 31/12/2012 là 86.132.601.243 VND là tiền gửi của nhà đầu tư cho mục đích giao dịch chứng khoán

5. KHỐI LƯỢNG VÀ GIÁ TRỊ THỰC HIỆN GIAO DỊCH TRONG KỲ

CHỈ TIÊU	Khối lượng giao dịch thực hiện trong kỳ	Giá trị giao dịch thực hiện trong kỳ
a) Cửa công ty chứng khoán	1 731 490	27 046 162 000
- Cổ phiếu	1 731 490	27 046 162 000
b) Cửa nhà đầu tư	336 271 955	3 404 139 125 000
- Cổ phiếu	336 271 955	3 404 139 125 000
	338 003 445	3 431 185 287 000

6. TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

Chi tiêu	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán	So với giá thị trường		Tổng giá trị theo giá thị trường
			Tăng	Giảm	
1	2	3	4	5	6
I. Chứng khoán đầu tư	9 005 178	147 714 720 685	925 403 556	60 215 388 841	88 424 735 400
-Chứng khoán sẵn sàng để bán	9 005 178	147 714 720 685	925 403 556	60 215 388 841	88 424 735 400

- Lý do thay đổi giá trị hợp lý:
- Chi tiết giá trị chứng khoán dùng để cầm cố, thế chấp cho các khoản nợ:
- Chi tiết các chứng khoán đang thực hiện hợp đồng Repo:
 - + Giá trị ghi sổ: 197.309.520.200
 - + Thời hạn: < 1 tháng: 197.309.520.200
 - + Giá trị mua, bán lại của hợp đồng Repo: 197.309.520.200

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TÂN VIỆT

Tầng 6, số 79 Lý Thường Kiệt, Phường Cửa Nam, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31/03/2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***MẪU SỐ B 09- CTCK****7. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	TSCĐ hữu hình khác	Tổng cộng
NGUYÊN GIÁ					
Số dư đầu kỳ	20 940 195 152	1 066 243 200	3 570 633 784	273 789 012	25 850 861 148
Tăng trong kỳ					
- Mua mới	20 800 000		12 556 000		33 356 000
- Tăng khác					
Giảm trong kỳ					
- Thanh lý, nhượng bán					
- Giảm khác					
Số dư cuối kỳ	20 960 995 152	1 066 243 200	3 583 189 784	273 789 012	25 884 217 148
KHẤU HAO LŨY KẾ					
Số dư đầu kỳ	18 772 110 684	906 909 189	3 413 108 952	273 789 012	23 365 917 837
Tăng trong kỳ	456 849 771	44 426 802	157 828 610		659 105 183
- Khấu hao trong kỳ	456 849 771	44 426 802	6 941 582		508 218 155
- Tăng khác			150 887 028		150 887 028
Giảm trong kỳ	51 598 768	99 288 260			150 887 028
- Thanh lý, nhượng bán					
- Giảm khác	51 598 768	99 288 260			150 887 028
Số dư cuối kỳ	19 177 361 687	852 047 731	3 570 937 562	273 789 012	23 874 135 992
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày đầu kỳ	2 168 084 468	159 334 011	157 524 832		2 484 943 311
Tại ngày cuối kỳ	1 783 633 465	214 195 469	12 252 222		2 010 081 156

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-CTCK

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

8. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Phần mềm	Tổng cộng
NGUYÊN GIÁ		
Số dư đầu kỳ	8 395 957 833	8 395 957 833
Tăng trong kỳ		
- Mua sắm mới		
Số dư cuối kỳ	8 395 957 833	8 395 957 833
KHẤU HAO LŨY KẾ		
Số dư đầu kỳ	7 604 141 513	7 604 141 513
Tăng trong kỳ	116 864 599	116 864 599
Khấu hao trong kỳ	116 864 599	116 864 599
Số dư cuối kỳ	7 721 006 112	7 721 006 112
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
Tại ngày đầu kỳ	791 816 320	791 816 320
Tại ngày cuối kỳ	674 951 721	674 951 721

9. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Cuối kỳ	Đầu kỳ
- Thuế giá trị gia tăng	13 818 182	
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	3 439 615 767	5 160 640 182
- Thuế thu nhập cá nhân	1 432 957 072	971 777 044
	4 886 391 021	6 132 417 226

10. TIỀN NỘP QUỸ HỖ TRỢ THANH TOÁN

	Cuối kỳ	Cuối kỳ
- Tiền nộp ban đầu	124 489 244	124 489 244
- Tiền nộp bổ sung	4 559 570 843	4 144 128 441
- Tiền lãi phân bổ trong năm	1 116 194 644	1 116 194 644
	5 800 254 731	5 384 812 329

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TÂN VIỆT

Tầng 6, số 79 Lý Thường Kiệt, Phường Cửa Nam

Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31/03/2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**MẪU SỐ B 09-CTCK***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***11. CÁC KHOẢN PHẢI THU**

CHỈ TIÊU	Số đầu kỳ		Số phát sinh trong kỳ		Số cuối kỳ
	Tổng số	Tăng	Giảm	Tổng số	
A	1	2	3	4	
Phải thu của khách hàng	131 572 096 892	31 312 140 023		162 884 236 915	
Trả trước người bán	1 638 901 040	1 740 589 733		3 379 490 773	
Phải thu khác	241 783 711 934		5 529 582 682	236 254 129 252	
Cộng	374 994 709 866	33 052 729 756	5 529 582 682	402 517 856 940	

12. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	Cuối kỳ	Đầu kỳ
Lãi dự thu	18 543 166 702	32 834 730 593
Các khoản phải thu khác	217 710 962 550	208 948 981 341
	236 254 129 252	241 783 711 934

13. TÌNH HÌNH TRÍCH LẬP DỰ PHÒNG CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÓ ĐÒI

	Cuối kỳ	Đầu kỳ
Số dư đầu kỳ	- 458 000 000	- 458 000 000
Số sử dụng trong kỳ		
Số trích lập trong kỳ		
Số dư cuối kỳ	- 458 000 000	- 458 000 000

14. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	Cuối kỳ	Đầu kỳ
Chi phí trả lãi tiền vay cá nhân, tổ chức	1 345 934 039	681 099 989
Chi phí phải trả khác	1 403 773 403	742 450 318
	2 749 707 442	1 423 550 307

15. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC

	Cuối kỳ	Đầu kỳ
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	71 720 362 708	86 132 601 243
- Kinh phí công đoàn	74 500 346	83 403 850
- Bảo hiểm xã hội, y tế	59 816 743	51 859 428
- Doanh thu chưa thực hiện		24 500 000 000
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	2 594 430 867	2 585 194 142
- Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán		
	74 449 110 664	113 353 058 663

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN TÂN VIỆTTầng 6, số 79 Lý Thường Kiệt, Phường Cửa Nam
Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội**Báo cáo tài chính**

Cho kỳ tài chính kết thúc ngày 31/03/2013

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**MẪU SỐ B 09-CTCK***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***16. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN**

Vay ngắn hạn	Số dư đầu kỳ	Số vay trong kỳ	Số trả trong kỳ	Số dư cuối kỳ
Vay đối tượng khác(*)	63 106 931 492	192 202 436 843	125 834 558 509	129 474 809 826
Cộng	63 106 931 492	192 202 436 843	125 834 558 509	129 474 809 826

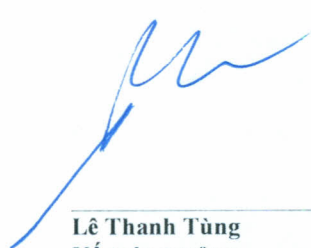
(*) Bao gồm các hợp đồng vay để phục vụ hoạt động kinh doanh với lãi suất từ 11% năm đến 14% năm.

17. VỐN CHỦ SỞ HỮU**Thay đổi trong vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế
Số dư tại 01/01/2012	350 000 000 000	7 023 082 530	9 983 252 820
Tăng trong năm		799 015 412	20 714 392 825
Trích quỹ trong năm		799 015 412	
Lợi nhuận trong năm			20 714 392 825
Giảm trong năm			-26 098 030 823
Phân phối lợi nhuận năm 2011			-1 598 030 823
Tạm chia cổ tức năm 2012			-24 500 000 000
Số dư tại 31/12/2012	350 000 000 000	7 822 097 942	4 599 614 822
Tăng trong kỳ			262 520 568
Trích quỹ trong kỳ			
Lợi nhuận trong kỳ			186 371 909
Giảm trong kỳ			
số dư tại 31/3/2013	350 000 000 000	7 822 097 942	4 785 986 731



Nguyễn Văn Dũng
 Tổng Giám đốc
 Hà Nội, ngày 10 tháng 04 năm 2013


 Lê Thanh Tùng
 Kế toán trưởng


 Bùi Thị Thanh Hiền
 Người lập biểu